

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10 tháng 10 năm 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Nguyệt

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng

Bà Phạm Thị Loan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 225/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông A - Sinh năm: 1975;

Trú tại Thôn T, xã Vạn L, huyện N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

- Bị đơn: Bà B - Sinh năm: 1975;

Hộ khẩu thường trú T, xã L, huyện N, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã L, huyện N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông A trình bày: ông và bà B tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Khánh Hòa. Giấy chứng nhận kết hôn số 33 cấp ngày 04/6/2002. Do vợ chồng ông thường xuyên sống xa nhau nên tình cảm, hạnh phúc vợ chồng ngày càng phai nhạt. Ông và bà B đã sống ly thân hơn 10 năm, không còn liên lạc hay hỏi thăm gì nhau. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

- Về con chung Vợ chồng ông có 02 (hai) con chung là C - Sinh ngày 18/01/1994 và D - Sinh ngày: 19/5/1998. Hiện các con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà B đến Tòa để Tòa án lấy lời khai và tham gia phiên hòa giải nhưng bà B đều không có mặt để làm việc theo Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án , nên Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt . Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Thúy.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà B kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L , huyện Vạn Ninh , tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 04 tháng 6 năm 2002. Nên quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà B được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà B. Xét lời khai của ông A thì thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa ông A và bà B có nhiều mâu thuẫn và không tìm được phương pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau nữa. Vợ chồng thường xuyên sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng không còn . Từ năm 2005, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông A và bà B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án , bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa để Tòa án lấy lời khai và tham gia phiên hòa giải để giải quyết việc ly hôn nhưng bà B đã không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án . Điều đó chứng tỏ , bà B không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này nữa nên việc ông A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B là có căn cứ , phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của ông A.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông A và bà B có 02 con chung C - Sinh ngày 18/01/1994 và C – Sinh ngày : 19/5/1998. Hiện các con chung đã trưởng thành nên ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị đơn B vắng mặt nên tách thành vụ kiện dân khác không có đơn yêu cầu

[4] Về tài sản chung và nợ chung Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét . Bị đơn B vắng mặt nên tách thành vụ kiện dân khác khi đương sự có đơn yêu cầu

[5] Về án phí: Ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn A:

- Ông A được ly hôn với bà B.

- Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Tách yêu cầu giải quyết con chung và cấp dưỡng nuôi con chung thành vụ kiện dân sự khác khi đương sự vắng mặt có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tách yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung thành vụ kiện dân sự khác khi đương sự vắng mặt có đơn yêu cầu.

2. Về án phí: Ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014227 ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh. Ông A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Vạn Long;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Nguyệt

